

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Bảng cân đối kế toán riêng	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	13 - 62



Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương (nay là Sở Tài chính thành phố Hải Phòng) cấp ngày 9 tháng 3 năm 2007, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 37 ngày 15 tháng 9 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán AAA từ tháng 11 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa (PP, PE), bao bì nhựa các loại, và mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng, Việt Nam và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Tầng 16, tòa nhà PV Oil, số 148 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên
Bà Trần Thị Thoãn	Thành viên
Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
Bà Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thoãn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cờ	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phượng	Thành viên
Bà Văn Thị Lan Anh	Thành viên

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này là Ông Nguyễn Lê Trung.

Bà Hòa Thị Thu Hà, Phó Tổng Giám đốc, được người đại diện theo pháp luật ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng theo Giấy ủy quyền số 1001/2022/UQ ngày 10 tháng 1 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

22-
TY
I
OUI
AM
Cv

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

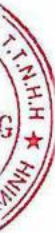
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đề ngày 27 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt cho Ban Tổng Giám đốc



Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2026
Phó Tổng Giám đốc

Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026



Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 12117920/68694567

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 7 đến trang 62, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hoàng Linh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3835-2026-004-1

Ngô Thị Phương Nhung
Kiểm toán viên
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 3069-2024-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

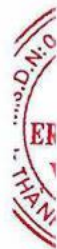
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.179.295.121.872	2.718.530.108.296
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.053.947.407.434	1.502.546.366.440
111	1. Tiền		1.015.185.043.501	1.221.207.424.886
112	2. Các khoản tương đương tiền		38.762.363.933	281.338.941.554
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	20.000.000.000	132.526.500.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000.000.000	132.526.500.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		437.057.682.928	364.401.317.306
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	293.915.507.572	246.159.446.019
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	137.644.247.226	113.311.199.249
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	1.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	5.497.928.130	3.430.672.038
140	IV. Hàng tồn kho	9	572.782.121.623	683.028.564.319
141	1. Hàng tồn kho		572.782.121.623	683.028.564.319
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		95.507.909.887	36.027.360.231
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	2.590.296.295	2.367.460.986
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	92.917.613.592	33.659.899.245



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.713.991.958.766	5.494.536.947.819
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		16.340.149.081	1.048.819.081
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	16.340.149.081	1.048.819.081
220	II. Tài sản cố định		1.299.883.403.761	1.384.777.065.653
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.246.482.956.295	1.328.702.267.521
222	Nguyên giá		3.118.811.491.242	3.005.815.048.918
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.872.328.534.947)	(1.677.112.781.397)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	53.400.447.466	56.074.798.132
228	Nguyên giá		79.312.510.029	79.312.510.029
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(25.912.062.563)	(23.237.711.897)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	13	193.176.795.250	68.319.430.464
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		193.176.795.250	68.319.430.464
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	3.918.601.665.481	3.759.957.510.903
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	3.808.480.725.563	3.995.728.676.794
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	409.187.374.282	128.709.199.227
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.3	79.656.187	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14	(299.146.090.551)	(364.480.365.118)
260	V. Tài sản dài hạn khác		285.989.945.193	280.434.121.718
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	284.369.900.020	278.672.776.023
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	1.620.045.173	1.761.345.695
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.893.287.080.638	8.213.067.056.115



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.410.777.420.375	2.760.245.383.431
310	I. Nợ ngắn hạn		2.088.403.566.626	2.239.260.932.454
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	307.153.005.753	379.391.209.171
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	67.588.939.516	108.285.566.511
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	35.420.982.058	46.740.224.207
314	4. Phải trả người lao động		24.808.868.468	23.169.940.373
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	37.162.590.953	32.182.653.260
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	9.819.421.350	2.527.687.226
320	7. Vay ngắn hạn	19	1.593.431.279.612	1.642.559.164.541
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	13.018.478.916	4.404.487.165
330	II. Nợ dài hạn		322.373.853.749	520.984.450.977
338	1. Vay dài hạn	19	322.373.853.749	520.984.450.977
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.482.509.660.263	5.452.821.672.684
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	5.482.509.660.263	5.452.821.672.684
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		3.937.427.300.000	3.822.744.960.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.937.427.300.000	3.822.744.960.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		823.961.323.817	823.961.323.817
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		72.330.911.673	72.330.911.673
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.612.477.781	11.612.477.781
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		637.177.646.992	722.171.999.413
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		451.296.497.240	425.666.189.605
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		185.881.149.752	296.505.809.808
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.893.287.080.638	8.213.067.056.115

008
 CÔNG
 T
 NST
 'IE'
 PHC

Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Thùy Vân
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng



Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	4.555.458.015.741	4.017.916.547.847
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(359.674.205)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	4.555.098.341.536	4.017.916.547.847
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(3.930.160.992.640)	(3.396.124.168.342)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		624.937.348.896	621.792.379.505
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	107.572.906.422	303.779.356.341
22	7. Chi phí tài chính	25	(178.173.844.506)	(224.000.595.090)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)		(96.472.058.178)	(105.463.320.371)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(230.880.335.892)	(241.526.246.873)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(101.705.805.967)	(102.532.361.832)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		221.750.268.953	357.512.532.051
31	11. Thu nhập khác	28	5.263.537.216	5.094.041.692
32	12. Chi phí khác	28	(3.965.681.444)	(4.766.055.574)
40	13. Lợi nhuận khác		1.297.855.772	327.986.118
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		223.048.124.725	357.840.518.169
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(37.025.674.451)	(60.979.858.948)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.3	(141.300.522)	(354.849.413)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		185.881.149.752	296.505.809.808

11802
CÔNG TY
JHH
& YOU
'NAN
HỒ CHỖ

Nguyễn Thị Thùy Vân
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng



Hồ Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hà Phòng, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		223.048.124.725	357.840.518.169
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và phân bổ tiền thuê đất trả trước		224.132.624.135	172.912.197.769
03	(Hoàn nhập dự phòng)/các khoản dự phòng		(14.558.236.200)	107.557.057.467
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.456.005.889)	(4.936.877.222)
05	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư		47.544.815.308	(190.637.147.048)
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu và khoản vay)	25	104.471.634.598	112.581.720.919
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		582.182.956.677	555.317.470.054
09	Tăng các khoản phải thu		(145.697.087.544)	(72.764.518.922)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		110.246.442.696	(181.589.139.594)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(122.035.550.068)	156.323.726.498
12	Tăng chi phí trả trước		(12.673.776.758)	(221.646.882.464)
14	Tiền lãi vay đã trả		(96.344.753.030)	(109.311.214.560)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(48.349.684.101)	(18.502.182.958)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	20	(32.896.821.622)	(30.200.621.190)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		234.431.726.250	77.626.636.864
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(249.827.396.467)	(544.961.360.519)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		7.553.389.629	2.097.497.221
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(285.296.500.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		114.026.500.000	552.513.936.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(415.621.680.000)	(173.667.276.949)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		186.425.810.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		39.983.048.813	204.484.740.718
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(317.460.328.025)	(244.828.963.529)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		3.433.512.198.064	3.478.196.259.669
34	Tiền trả nợ gốc vay		(3.687.753.724.732)	(3.320.490.043.139)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(114.663.284.700)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng)/từ hoạt động tài chính		(368.904.811.368)	147.706.216.530
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(451.933.413.143)	(19.496.110.135)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.502.546.366.440	1.516.218.987.027
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.334.454.137	5.823.489.548
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	1.053.947.407.434	1.502.546.366.440

Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Thùy Vân
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng



Hồ Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương (nay là Sở Tài chính thành phố Hải Phòng) cấp ngày 9 tháng 3 năm 2007, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 37 ngày 15 tháng 9 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AAA từ tháng 11 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa (PP, PE), bao bì nhựa các loại, và mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng, Việt Nam và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Tầng 16, tòa nhà PV Oil, số 148 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty An Phát Holdings") là công ty mẹ cấp cao nhất của Công ty, Công ty An Phát Holdings và các công ty con sau đây được gọi chung là "Tập đoàn".

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.907 (ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.673 người).



Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 12 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 17 công ty con) với chi tiết như sau:

STT	Công ty	31 tháng 12 năm 2025		31 tháng 12 năm 2024		Địa chỉ	Hoạt động chính
		Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)		
1	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát ("Công ty An Phát Complex")	96,92%	96,92%	93,04%	93,04%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
2	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 ("Công ty An Phát Complex 1") (i)	97,66%	99,99%	94,7%	99,99%	Khu công nghiệp An Phát 1, Km 72, Quốc lộ 37, xã An Phú, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Phát triển và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp
3	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh ("Công ty An Vinh")	99,95%	99,95%	99,95%	99,95%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa
4	An Phat International, Inc.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	24 Greenway Plaza, 18th Floor, Suite 1800-I Houston, TX 77046	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác
5	AFC EcoPlastics, LLC. ("Công ty AFC")	87,50%	87,5%	87,5%	87,5%	24 Greenway Plaza, 18th Floor, Suite 1800-I Houston, TX 77046	Kinh doanh hạt nhựa
6	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT") (i)	47,92%	60,17%	67,48%	100%	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất sản phẩm từ nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 12 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 17 công ty con) với chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	Công ty	31 tháng 12 năm 2025		31 tháng 12 năm 2024		Địa chỉ	Hoạt động chính
		Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)		
7	Ankor Bioplastics Co., Ltd ("Công ty Ankor") (i)	24,44%	51%	21,93%	51%	216, Munmakgongdan-gil, Munmak-eup, Wonju-si, Gangwon-do, Republic of Korea (26362)	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, nhựa phân hủy
8	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội")	68,6%	68,6%	62,75%	62,75%	Tổ 12, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh nhựa kỹ thuật
9	Công ty TNHH An Trung Industries ("Công ty An Trung") (i)	68,6%	100%	62,75%	100%	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh nhựa bao bì, nhựa kỹ thuật, nhựa gia dụng
10	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM ("Công ty VIEXIM") (i)	68,6%	100%	62,75%	100%	Thôn Hảo, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa
11	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường ("Công ty An Cường") (i)	68,49%	99,84%	62,75%	99,84%	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, KM47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm nhựa nội thất
12	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Lương Điền Ngọc Liên ("Công ty Lương Điền Ngọc Liên") (i)	97,66%	99,99%	94,7%	99,99%	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đông, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp

(i) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết trong các công ty con này khác nhau do Công ty kiểm soát các công ty con này trực tiếp và/hoặc gián tiếp thông qua một số công ty con khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đề ngày 27 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm áp dụng phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	8 - 25 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 12 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Quyền sử dụng đất	18 - 47 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng và thuê đất;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất của Công ty ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (nay là thành phố Hải Phòng) trong thời hạn từ 21 năm đến 48 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Người mua trả tiền trước

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua hàng hóa hoặc dịch vụ trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong năm được phản ánh trong tài khoản "Người mua trả tiền trước" trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ được trích lập theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các năm tài chính nhằm mục đích dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại và kinh doanh thương mại các loại vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, trong khi doanh thu từ các hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty gồm hoạt động sản xuất, hoạt động kinh doanh thương mại và các hoạt động khác. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ

4.1 Chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần An Thành

Theo Nghị quyết số 120202/2025/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 15.511.200 cổ phần, tương đương 48,65% vốn điều lệ của Công ty An Thành, công ty con của Công ty, cho một công ty con khác là Công ty An Tiến. Sau khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng này vào ngày 27 tháng 2 năm 2025, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong Công ty An Thành giảm còn 0,03% vốn điều lệ.

4.2 Giảm vốn đầu tư vào Công ty PBAT

Theo Nghị quyết số 130202/2025/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc giảm vốn đầu tư của Công ty vào Công ty PBAT. Sau khi giảm vốn, giá trị vốn đầu tư của Công ty vào Công ty PBAT (tính theo mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần) là 41.441.200.000 đồng, tương đương 4.144.120 cổ phần, chiếm 21,15% vốn điều lệ của Công ty PBAT. Vào ngày 3 tháng 3 năm 2025, Công ty đã nhận lại khoản hoàn trả này từ Công ty PBAT.

4.3 Thoái vốn và mất quyền kiểm soát Công ty Cổ phần An Tiến (“Công ty An Tiến”)

Theo Nghị quyết số 100302/2025/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 7.185.500 cổ phần, tương đương 9,75% vốn điều lệ của Công ty An Tiến, công ty con của Công ty. Vào ngày 27 tháng 3 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty An Tiến giảm còn 45,10% và Công ty An Tiến trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

4.4 Chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt

Theo Nghị quyết số 180402/2025/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 4 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 1.470.000 cổ phần, tương đương 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt, công ty liên kết của Công ty. Sau khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng này vào ngày 28 tháng 4 năm 2025, Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt không còn là công ty liên kết của Công ty.

4.5 Mua thêm sở hữu trong công ty con hiện hữu - Công ty An Phát Complex

Theo Nghị quyết số 020602/2025/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 6 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua việc nhận chuyển nhượng 3.920.900 cổ phần, tương đương với 3,89% vốn điều lệ của Công ty An Phát Complex. Sau khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng vào ngày 2 tháng 6 năm 2025, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong Công ty An Phát Complex tăng lên 96,92% vốn điều lệ.

4.6 Mua thêm sở hữu trong công ty con hiện hữu - Công ty Nhựa Hà Nội

Theo Nghị quyết số 200602/2025/NQ-HĐQT, ngày 22 tháng 6 năm 2025 và Nghị quyết số 110702/2025/NQ-HĐQT, ngày 11 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc mua thêm 31.759.918 cổ phiếu của Công ty Nhựa Hà Nội từ đợt phát hành cổ phiếu của công ty con này cho các cổ đông hiện hữu. Ngày 2 tháng 7 năm 2025 và ngày 16 tháng 7 năm 2025, Công ty đã hoàn thành giao dịch mua này và tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Nhựa Hà Nội lên 70,89% vốn điều lệ. Vào ngày 1 tháng 8 năm 2025, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đã phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP) làm tăng vốn điều lệ, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội còn 68,6%.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	402.809.802	727.945.338
Tiền gửi ngân hàng	1.014.782.233.699	1.220.479.479.548
Các khoản tương đương tiền (*)	38.762.363.933	281.338.941.554
TỔNG CỘNG	1.053.947.407.434	1.502.546.366.440

(*) Các khoản tiền gửi bằng VND và USD tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng, với lãi suất tiền gửi bằng VND từ 1,9% đến 3,5%/năm và tiền gửi bằng USD là 0%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: tiền gửi bằng VND từ 1,9% đến 4,75%/năm và tiền gửi bằng USD là 0%/năm).

Một số khoản tiền gửi có kỳ hạn và tiền bằng VND và USD tại tài khoản thanh toán của Công ty có tổng số tiền là 51,4 tỷ VND được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	-	132.526.500.000	132.526.500.000	-
TỔNG CỘNG	20.000.000.000	20.000.000.000	-	132.526.500.000	132.526.500.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn 6 tháng, với lãi suất tiền gửi bằng VND là 4,45%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: tiền gửi bằng VND từ 2,9% - 4,5 %/năm và tiền gửi bằng USD là 0%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng khác	219.577.599.898	241.823.674.612
<i>Công ty Kompol Sp. zo.o</i>	39.691.529.456	37.532.081.410
<i>Các khách hàng khác</i>	179.886.070.442	204.291.593.202
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	74.337.907.674	4.335.771.407
TỔNG CỘNG	293.915.507.572	246.159.446.019

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên khác	117.214.397.500	113.311.199.249
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp ANI (*)</i>	80.790.329.086	63.489.957.143
<i>Công ty Cổ phần Premier Outlet Việt Nam</i>	25.095.510.000	13.580.288.922
<i>Asia Oriental Technology Pte .,Ltd</i>	-	17.969.615.240
<i>Các bên khác</i>	11.328.558.414	18.271.337.944
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	20.429.849.726	-
TỔNG CỘNG	137.644.247.226	113.311.199.249

(*) Số dư cuối năm chủ yếu gồm các khoản trả trước cho nhà thầu xây dựng Dự án Nhà máy sản xuất bao bì nhựa và bao bì phân hủy sinh học.

1186
 JG T
 VHH
 & YC
 NA
 HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Lãi dự thu	172.486.743	-	2.949.672.038	-
Tạm ứng cho nhân viên	632.383.641	-	40.000.000	-
Ký quỹ	4.688.125.559	-	-	-
Cổ tức được chia	-	-	441.000.000	-
Phải thu khác	4.932.187	-	-	-
TỔNG CỘNG	5.497.928.130	-	3.430.672.038	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>5.492.995.943</i>	<i>-</i>	<i>2.989.672.038</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	<i>4.932.187</i>	<i>-</i>	<i>441.000.000</i>	<i>-</i>
Dài hạn				
Phải thu theo các hợp đồng hợp tác (*)	15.291.330.000	-	-	-
Đặt cọc thuê văn phòng	350.576.081	-	350.576.081	-
Phải thu khác	698.243.000	-	698.243.000	-
TỔNG CỘNG	16.340.149.081	-	1.048.819.081	-

(*) Đây là khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác với một số cá nhân để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho mục đích triển khai Dự án mở rộng nhà máy sản xuất của Công ty.

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi đường	122.468.256.507	-	243.270.796.271	-
Nguyên vật liệu	235.869.144.568	-	217.490.912.336	-
Công cụ, dụng cụ	27.252.232.922	-	18.717.524.482	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.643.720.782	-	9.397.770.594	-
Thành phẩm	104.163.617.709	-	99.118.813.635	-
Hàng hóa	60.486.483	-	42.753.808	-
Hàng gửi đi bán	72.324.662.652	-	94.989.993.193	-
TỔNG CỘNG	572.782.121.623	-	683.028.564.319	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	740.950.213	968.403.817
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.849.346.082	1.399.057.169
TỔNG CỘNG	<u>2.590.296.295</u>	<u>2.367.460.986</u>
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	233.955.555.428	240.709.372.880
Chi phí sửa chữa lớn	27.649.752.229	24.470.438.503
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	20.493.400.000	10.891.418.782
Chi phí trả trước khác	2.271.192.363	2.601.545.858
TỔNG CỘNG	<u>284.369.900.020</u>	<u>278.672.776.023</u>



Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm	Tài sản cố định hữu hình khác	Đơn vị tính: VND	
								Tổng cộng
Số đầu năm	859.106.269.090	1.925.302.084.513	168.515.903.781	8.101.912.734	18.054.150.000	26.734.728.800	3.005.815.048.918	
- Mua trong năm	426.599.630	64.569.214.209	6.669.941.364	356.000.000	-	766.368.182	72.788.123.385	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	10.571.203.404	-	-	-	-	-	10.571.203.404	
- Lấp đặt chạy thử hoàn thành	-	55.828.277.060	-	-	-	-	55.828.277.060	
- Phân loại lại	-	(1.182.818.181)	1.182.818.181	-	-	-	-	
- Tặng/(giảm) khác	(1.113.693.786)	(1.325.228.822)	3.418.066.699	1.049.091	-	(980.193.182)	-	
- Thanh lý, nhượng bán	-	(20.260.053.589)	(5.931.107.936)	-	-	-	(26.191.161.525)	
Số cuối năm	868.990.378.338	2.022.931.475.190	173.855.622.089	8.458.961.825	18.054.150.000	26.520.903.800	3.118.811.491.242	
Trong đó:								
Đã khấu hao hết	56.714.882.972	607.129.376.383	64.610.865.981	5.856.944.411	2.466.500.000	10.753.677.023	747.532.246.770	
Giá trị khấu hao lũy kế:								
Số đầu năm	261.341.390.243	1.267.142.884.893	110.879.511.053	7.595.287.097	10.110.548.115	20.043.159.996	1.677.112.781.397	
- Khấu hao trong năm	36.222.181.526	162.944.256.744	12.106.480.194	373.632.164	1.077.495.000	1.980.410.389	214.704.456.018	
- Phân loại lại	-	(1.025.143.184)	1.025.143.184	-	-	-	-	
- Tặng/(giảm) khác	463.612.192	(792.600.673)	616.266.406	(239.078.289)	-	(48.199.636)	-	
- Thanh lý, nhượng bán	-	(14.024.210.768)	(5.464.491.699)	-	-	-	(19.488.702.468)	
Số cuối năm	298.027.183.961	1.414.245.187.012	119.162.909.138	7.729.840.972	11.188.043.115	21.975.370.749	1.872.328.534.947	
Giá trị còn lại:								
Số đầu năm	597.764.878.847	658.159.199.620	57.636.392.728	506.625.637	7.943.601.885	6.691.568.804	1.328.702.267.521	
Số cuối năm	570.963.194.377	608.686.288.178	54.692.712.951	729.120.853	6.866.106.885	4.545.533.051	1.246.482.956.295	

Tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 608 tỷ VND của Công ty đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	<u>78.087.072.029</u>	<u>1.225.438.000</u>	<u>79.312.510.029</u>
Số cuối năm	<u>78.087.072.029</u>	<u>1.225.438.000</u>	<u>79.312.510.029</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	400.948.000	400.948.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	22.479.745.834	757.966.063	23.237.711.897
- Hao mòn trong năm	<u>2.532.803.640</u>	<u>141.547.026</u>	<u>2.674.350.666</u>
Số cuối năm	<u>25.012.549.474</u>	<u>899.513.089</u>	<u>25.912.062.563</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>55.607.326.195</u>	<u>467.471.937</u>	<u>56.074.798.132</u>
Số cuối năm	<u>53.074.522.555</u>	<u>325.924.911</u>	<u>53.400.447.466</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa (*)	165.842.966.697	66.399.480.464
Mua sắm TSCĐ	12.720.910.881	-
Khác	<u>14.612.917.672</u>	<u>1.919.950.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>193.176.795.250</u>	<u>68.319.430.464</u>

(*) Bao gồm chi phí máy móc, thiết bị cho Dự án Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 14.1)					
- Công ty An Tiến	3.808.480.725.563	(299.146.090.551)	-	3.995.728.676.794	179.813.633.100
- Công ty An Phát Complex (iii)	1.019.862.500.000	-	(i)	407.298.831.231	(i)
- Công ty An Phát Complex 1	295.560.000.000	-	(i)	921.840.000.000	(i)
- Công ty An Vinh	461.395.540.000	-	(i)	295.560.000.000	(i)
- An Phát International, Inc.	455.040.300.000	(259.820.352.936)	(i)	461.395.540.000	(i)
- Công ty PBAT (iv)	70.861.200.000	(39.325.737.615)	(i)	455.040.300.000	(i)
- Công ty Nhựa Hà Nội (vii)	1.505.761.185.563	-	895.041.147.000	92.020.000.000	(i)
- Công ty An Thành	-	-	-	1.188.162.005.563	601.386.609.300
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.2)					
- Công ty An Tiến (ii)	409.187.374.282	-	-	174.412.000.000	(i)
- Công ty Nhựa Bao bì Vinh	334.870.654.507	-	204.315.656.700	128.709.199.227	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt (vi)	74.316.719.775	-	54.879.699.000	74.316.719.775	52.266.380.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 14.3)					
- Công ty An Thành (v)	79.656.187	-	-	54.392.479.452	-
	79.656.187	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	4.217.747.756.032	(299.146.090.551)	(i)	4.124.437.876.021	(364.480.365.118)

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty An Tiến (mã chứng khoán giao dịch: HII), Công ty Nhựa Hà Nội (mã chứng khoán giao dịch: NHH) và Công ty Nhựa Bao bì Vinh (mã chứng khoán giao dịch: VBC) được xác định theo giá đóng cửa phiên giao dịch tại các ngày cuối kỳ kế toán trên sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Các khoản đầu tư này được Công ty đầu tư với mục đích nắm giữ lâu dài, kết quả kinh doanh không bị lỗ, không có dấu hiệu mất vốn, do đó Công ty không trích lập dự phòng.

Cổ phiếu của các công ty còn lại không được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

- (ii) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 7.185.500 cổ phiếu của Công ty An Tiến với số tiền là 33,8 tỷ VNĐ và ghi nhận khoản lỗ 38,7 tỷ VNĐ từ giao dịch này. Theo đó, giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty An Tiến xuống 45,10%.
- (iii) Trong năm, Công ty đã nhận chuyển nhượng 3.920.900 cổ phần của Công ty An Phát Complex. Theo đó, tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty An Phát Complex lên 96,92%.
- (iv) Trong năm, Công ty PBAT đã hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo kế hoạch giảm vốn được Đại hội đồng cổ đông Công ty PBAT phê duyệt. Theo đó, sau khi hoàn trả, Công ty còn nắm giữ trực tiếp 4.144.120 cổ phần của Công ty PBAT, tương đương 21,15% vốn điều lệ.
- (v) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 15.511.200 cổ phần của Công ty An Thành với số tiền là 105,5 tỷ VNĐ và ghi nhận khoản lỗ 18,1 tỷ VNĐ từ giao dịch này. Theo đó, giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty An Thành xuống 0,03%.
- (vi) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 1.470.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt với số tiền là 26 tỷ VNĐ và ghi nhận khoản lỗ 28,4 tỷ VNĐ từ giao dịch này. Theo đó, Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt không còn là công ty liên kết của Công ty kể từ ngày chuyển nhượng.
- (vii) Trong năm, Công ty đã mua thêm 31.759.918 cổ phiếu của Công ty Nhựa Hà Nội. Theo đó, nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Nhựa Hà Nội lên 70,89%. Vào ngày 1 tháng 8 năm 2025, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đã phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP) làm tăng vốn điều lệ, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội còn 68,6%.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng các khoản đầu tư dài hạn

	Năm nay	Đơn vị tính: VNĐ
		Năm trước
Số đầu năm	364.480.365.118	256.923.307.651
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	3.618.064.929	119.817.474.383
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(18.176.301.129)	(12.260.416.916)
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(50.776.038.367)	-
Số cuối năm	299.146.090.551	364.480.365.118

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản đầu tư trực tiếp tại 6 công ty con với tỷ lệ như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 8).

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty An Tiến	-	-	54,85%	54,85%
Công ty An Phát Complex	96,92%	96,92%	93,04%	93,04%
Công ty An Phát Complex 1 (*)	24%	99,99%	24%	99,99%
Công ty An Vinh	99,95%	99,95%	99,95%	99,95%
An Phat International, Inc.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty PBAT (*)	21,15%	60,17%	21,15%	100%
Công ty Nhựa Hà Nội	68,6%	68,6%	62,75%	62,75%
Công ty An Thành	-	-	48,69%	99,69%

(*) Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp và tỷ lệ biểu quyết trong các công ty con này khác nhau do Công ty kiểm soát các công ty con này trực tiếp và/hoặc gián tiếp thông qua một số công ty con khác.

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	BT4 lô E9 Vimexco, đường Phạm Hùng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xuất bản phần mềm	-	-	49%	49%
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh ("Công ty Nhựa Bao bì Vinh")	Khối 8, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	34,84%	34,84%	34,84%	34,84%
Công ty An Tiến	Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, sản xuất phụ gia và bột đá	45,10%	45,10%	-	-

14.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Thông tin khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty An Thành	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS,...	0,03%	0,03%	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán	281.501.260.477	281.501.260.477	354.358.304.543	354.358.304.543
Chevron Phillips				
Chemicals Asia Pte Ltd	107.747.143.535	107.747.143.535	91.074.065.765	91.074.065.765
Sabic Asia Pacific Pte	65.705.685.184	65.705.685.184	58.294.223.236	58.294.223.236
Ivict (Singapore)				
Pte Ltd	22.509.604.260	22.509.604.260	-	-
Qatarenergy Marketing	7.802.316.600	7.802.316.600	46.898.604.990	46.898.604.990
Khác	77.736.510.898	77.736.510.898	158.091.410.552	158.091.410.552
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	25.651.745.276	25.651.745.276	25.032.904.628	25.032.904.628
TỔNG CỘNG	307.153.005.753	307.153.005.753	379.391.209.171	379.391.209.171

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước khác	58.339.584.156	58.339.584.156	43.480.935.921	43.480.935.921
Trả trước từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	9.249.355.360	9.249.355.360	64.804.630.590	64.804.630.590
TỔNG CỘNG	67.588.939.516	67.588.939.516	108.285.566.511	108.285.566.511



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.549.684.101	37.025.674.451	(48.349.684.101)	35.225.674.451
Thuế giá trị gia tăng	-	37.079.155.758	(37.079.155.758)	-
Các loại thuế khác	190.540.106	7.939.705.233	(7.934.937.732)	195.307.607
TỔNG CỘNG	<u>46.740.224.207</u>	<u>82.044.535.442</u>	<u>(93.363.777.591)</u>	<u>35.420.982.058</u>
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải thu trong năm</i>	<i>Số được miễn trừ trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	33.659.899.245	155.340.194.233	(96.082.479.886)	92.917.613.592
TỔNG CỘNG	<u>33.659.899.245</u>	<u>155.340.194.233</u>	<u>(96.082.479.886)</u>	<u>92.917.613.592</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu phải trả	5.265.390.587	5.138.085.439
Trích trước lương tháng 13	22.643.509.867	21.275.623.957
Chi phí hoa hồng trích trước	4.496.816.374	-
Chi phí khác	4.756.874.125	5.768.943.864
TỔNG CỘNG	<u>37.162.590.953</u>	<u>32.182.653.260</u>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	8.000.760.302	1.350.376.827
Cổ tức phải trả	128.392.143	109.328.043
Phải trả khác	1.690.268.905	1.067.982.356
TỔNG CỘNG	<u>9.819.421.350</u>	<u>2.527.687.226</u>

001
 CÔNG
 7
 VST
 IỆ
 04/

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY

Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Điều chỉnh khác	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn								
Vay ngân hàng	1.478.734.323.666	1.478.734.323.666	3.381.112.198.064	(3.478.928.883.857)	75.468.091	1.380.993.105.964	1.380.993.105.964	
Vay dài hạn đến hạn trả	163.824.840.875	163.824.840.875	141.273.332.773	(92.660.000.000)	-	212.438.173.648	212.438.173.648	
TỔNG CỘNG	1.642.559.164.541	1.642.559.164.541	3.522.385.530.837	(3.571.588.883.857)	75.468.091	1.593.431.279.612	1.593.431.279.612	
Vay dài hạn								
Vay ngân hàng	520.984.450.977	520.984.450.977	52.400.000.000	(257.438.173.648)	6.427.576.420	322.373.853.749	322.373.853.749	
TỔNG CỘNG	520.984.450.977	520.984.450.977	52.400.000.000	(257.438.173.648)	6.427.576.420	322.373.853.749	322.373.853.749	
TỔNG CỘNG	2.163.543.615.518	2.163.543.615.518	3.574.785.530.837	(3.829.027.057.505)	6.503.044.511	1.915.805.133.361	1.915.805.133.361	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	1.151.990.243.331	1.151.990.243.331 VND	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, từ 4 đến 6 tháng. Nợ gốc trả hàng quý. Lãi vay trả hàng tháng. Gốc vay đáo hạn lần cuối vào ngày 25 tháng 06 năm 2026.	4,1% - 7,0%	(i)
Các khoản vay ngân hàng bằng USD	229.002.862.633	8.681.914 USD	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, từ 5 đến 6 tháng. Nợ gốc trả hàng quý. Lãi vay trả hàng tháng. Gốc vay đáo hạn lần cuối vào tháng 4 năm 2026.	3,5% - 4,3%	(i)

TỔNG CỘNG 1.380.993.105.964

(i) Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không kỳ hạn bằng VND và USD của Công ty tại các ngân hàng thương mại với tổng số tiền là 46,8 tỷ VND;
- Bảo lãnh cá nhân của một số lãnh đạo chủ chốt của Công ty;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Nhà máy 5 (nay những tài sản này đã chuyển sang Nhà máy 6); và
- Một số phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, và một số tài sản khác.

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Vay ngân hàng dài hạn

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	534.812.027.397	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, từ 36 tới 72 tháng. Nợ gốc trả hàng quý. Lãi vay trả hàng tháng hoặc quý. Ngày đáo hạn cuối cùng vào tháng 12 năm 2031.	5,2% - 8,7%	(ii)
TỔNG CỘNG	534.812.027.397			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	212.438.173.648			
Vay dài hạn	322.373.853.749			

(ii) Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không kỳ hạn bằng VND và USD của Công ty tại các ngân hàng thương mại với tổng số tiền là 4,6 tỷ VND;
- Bảo lãnh cá nhân của một số lãnh đạo chủ chốt của Công ty;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Nhà máy 8;
- Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY737232, CY338692, CY338691 tại khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, KM47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng, Việt Nam; và
- Một số phương tiện vận tải, máy móc thiết bị khác và một số tài sản khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	4.404.487.165	1.760.688.711
Trích quỹ trong năm (*)	41.510.813.373	32.844.419.644
Sử dụng trong năm	<u>(32.896.821.622)</u>	<u>(30.200.621.190)</u>
Số cuối năm	<u>13.018.478.916</u>	<u>4.404.487.165</u>

(*) Trong năm, Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ phục vụ công tác điều hành và hoạt động cộng đồng theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông như trình bày tại Thuyết minh số 21.1.



Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tính hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
Số đầu năm	3.822.744.960.000	823.961.323.817	72.330.911.673	11.612.477.781	458.510.609.249	5.189.160.282.520
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	296.505.809.808	296.505.809.808
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(32.844.419.644)	(32.844.419.644)
Số cuối năm	3.822.744.960.000	823.961.323.817	72.330.911.673	11.612.477.781	722.171.999.413	5.452.821.672.684
Năm nay						
Số đầu năm	3.822.744.960.000	823.961.323.817	72.330.911.673	11.612.477.781	722.171.999.413	5.452.821.672.684
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	185.881.149.752	185.881.149.752
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(41.510.813.373)	(41.510.813.373)
- Trả cổ tức bằng tiền (**)	-	-	-	-	(114.682.348.800)	(114.682.348.800)
- Phát hành ESOP 2025 (***)	114.682.340.000	-	-	-	(114.682.340.000)	-
Số cuối năm	3.937.427.300.000	823.961.323.817	72.330.911.673	11.612.477.781	637.177.646.992	5.482.509.660.263

(*) Công ty đã thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024 theo Nghị quyết số 280402/2025/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 28 tháng 4 năm 2025.

(**) Theo Nghị quyết 130502/2025/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 5 năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024 với tỉ lệ chi trả là 3%/cổ phiếu (1 cổ phiếu nhận được 300 VND).

(***) Theo Nghị quyết 040802/2025/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 08 năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động (ESOP) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 11.468.234 cổ phiếu, tương ứng 3% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn góp	3.937.427.300.000	3.937.427.300.000	3.822.744.960.000	3.822.744.960.000
Thặng dư vốn cổ phần	823.946.323.817	823.946.323.817	823.946.323.817	823.946.323.817
TỔNG CỘNG	4.761.373.623.817	4.761.373.623.817	4.646.691.283.817	4.646.691.283.817

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	3.822.744.960.000	3.822.744.960.000
Vốn góp tăng trong năm	114.682.340.000	-
Số cuối năm	3.937.427.300.000	3.822.744.960.000
Cổ tức đã công bố	114.682.348.800	-

21.4 Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2024: 300 VND/cổ phiếu	114.682.348.800	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	-	-

21.5 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đang ký phát hành	393.742.730	3.937.427.300.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu phổ thông	393.742.730	3.937.427.300.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	393.742.730	3.937.427.300.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu phổ thông	393.742.730	3.937.427.300.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu đang lưu hành (*)	393.742.730	3.937.427.300.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu phổ thông	393.742.730	3.937.427.300.000	382.274.496	3.822.744.960.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu).

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, 11.468.234 cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
Đô la Mỹ – USD	39.049.748	42.544.418
Đồng Euro – EUR	1.306	8.568
Bảng Anh – GBP	37	56

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	4.555.458.015.741	4.017.916.547.847
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	4.181.129.125.393	3.833.505.093.695
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	354.955.519.328	166.498.171.069
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	19.373.371.020	17.913.283.083
Các khoản giảm trừ doanh thu	(359.674.205)	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(359.674.205)	-
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	-
Doanh thu thuần	4.555.098.341.536	4.017.916.547.847
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	4.180.769.451.188	3.833.505.093.695
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	354.955.519.328	166.498.171.069
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	19.373.371.020	17.913.283.083
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên khác</i>	3.931.272.251.568	3.753.594.703.695
<i>Doanh thu từ bên liên quan</i>	623.826.089.968	264.321.844.152

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức (*)	25.415.591.600	163.131.231.200
Lãi chênh lệch tỷ giá	70.808.042.904	115.239.706.514
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.349.271.918	25.408.418.627
TỔNG CỘNG	107.572.906.422	303.779.356.341

(*) Đây là cổ tức được chia từ các công ty con và công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 30.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán thành phẩm	3.578.036.327.934	3.231.071.940.296
Giá vốn bán hàng hóa	347.339.852.199	163.278.777.551
Giá vốn dịch vụ	4.784.812.507	1.773.450.495
TỔNG CỘNG	3.930.160.992.640	3.396.124.168.342

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng đầu tư tài chính	(14.558.236.200)	107.557.057.467
Chi phí lãi vay	96.472.058.178	105.463.320.371
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.099.836.711	3.861.816.704
Chi phí phát hành trái phiếu và khoản vay	7.999.576.420	7.118.400.548
Lỗ do thoái vốn công ty con và công ty liên kết (Thuyết minh số 14)	85.160.609.397	-
TỔNG CỘNG	178.173.844.506	224.000.595.090

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí vận chuyển và xuất nhập khẩu	144.045.689.202	144.843.510.155
Chi phí quảng cáo và hoa hồng bán hàng	63.958.525.754	73.229.224.099
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.619.244.049	4.657.973.410
Chi phí nhân viên bán hàng	7.927.174.824	7.761.239.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.515.077.064	9.537.773.480
Chi phí khác	2.814.624.999	1.496.525.892
TỔNG CỘNG	230.880.335.892	241.526.246.873
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	39.698.949.608	36.865.631.982
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.161.333.329	28.866.190.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.004.929.567	18.999.898.908
Thuế, phí và lệ phí	6.002.391.683	7.668.255.786
Chi phí khác	6.838.201.780	10.132.384.324
TỔNG CỘNG	101.705.805.967	102.532.361.832



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu	2.795.742.816.727	2.645.931.685.804
Chi phí nhân công	364.586.159.625	325.328.987.291
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định và phân bổ tiền thuê đất trả trước	224.132.624.135	172.912.197.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	505.742.707.901	456.104.851.683
Chi phí khác	8.828.397.633	11.646.755.769
TỔNG CỘNG	<u>3.899.032.706.021</u>	<u>3.611.924.478.316</u>

28. THU NHẬP, CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	5.263.537.216	5.094.041.692
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	850.930.571	2.097.497.221
Bảo hiểm chi trả thiệt hại do bão	1.978.546.545	-
Các khoản khác	2.434.060.100	2.996.544.471
Chi phí khác	3.965.681.444	4.766.055.574
Chi phí bồi thường	1.216.496.379	1.020.341.297
Chi phí sửa chữa hư hại do bão Yagi	1.953.628.260	-
Các khoản khác	795.556.805	3.745.714.277
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	<u>1.297.855.772</u>	<u>327.986.118</u>

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	37.025.674.451	59.749.684.101
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	141.300.522	354.849.413
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	1.230.174.847
TỔNG CỘNG	<u>37.166.974.973</u>	<u>61.334.708.361</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	223.048.124.725	357.840.518.169
<i>Thu nhập chịu mức thuế suất 20%</i>	<i>223.048.124.725</i>	<i>357.840.518.169</i>
Thuế TNDN theo các mức thuế suất áp dụng cho Công ty	44.609.624.945	71.568.103.634
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thuế suất thuế TNDN 20%</i>	<i>44.609.624.945</i>	<i>71.568.103.634</i>
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Cổ tức được nhận	(5.083.118.320)	(32.626.246.240)
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng không được trừ	(2.553.357.685)	18.971.815.699
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	193.826.033	2.190.860.421
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	1.230.174.847
Chi phí thuế TNDN	37.166.974.973	61.334.708.361

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Chênh lệch kỳ ghi nhận doanh thu và giá vốn cho mục đích tính thuế TNDN	2.121.255.939	3.102.953.956	(981.698.017)	1.786.115.421
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá khoản mục tiền và phải thu	-	-	-	(799.356.573)
	<u>2.121.255.939</u>	<u>3.102.953.956</u>		
Phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá khoản mục tiền và phải thu	(501.210.766)	(1.341.608.261)	840.397.495	(1.341.608.261)
	<u>(501.210.766)</u>	<u>(1.341.608.261)</u>		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	<u>1.620.045.173</u>	<u>1.761.345.695</u>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng			<u>(141.300.522)</u>	<u>(354.849.413)</u>

29.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính chắc chắn thu nhập tính thuế trong tương lai:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
<i>Các chênh lệch tạm thời, trong đó:</i>	
Dự phòng khoản đầu tư ra nước ngoài	275.979.142.442
TỔNG CỘNG	<u>275.979.142.442</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty An Phát Holdings”)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (“Công ty An Phát Complex”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (“Công ty An Phát Complex 1”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Lương Điện Ngọc Liên (“Công ty Lương Điện Ngọc Liên”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh (“Công ty An Vinh”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (“Công ty Nhựa Hà Nội”)	Công ty con
Công ty TNHH An Trung Industries (“Công ty An Trung”)	Công ty con
Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư Viexim (“Công ty Viexim”)	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (“Công ty VMC”)	Công ty con (đến ngày 26 tháng 05 năm 2025)
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường (“Công ty An Cường”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát (“Công ty PBAT”)	Công ty con
Ankor Bioplastics Co., Ltd (“Công ty Ankor”)	Công ty con
An Phat International, Inc.	Công ty con
AFC EcoPlastics, LLC.(“Công ty AFC”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh (“Công ty Nhựa Bao bì Vinh”)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt (“Công ty Nam Việt”)	Công ty liên kết (đến ngày 28 tháng 04 năm 2025)
Công ty Cổ phần An Tiên Industries (“Công ty An Tiên”)	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Công ty liên kết (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)
An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd. (“Công ty An Thành Singapore”)	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín (“Công ty An Tín”)	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol (“Công ty An Thành”)	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam (“Công ty Sunrise”)	Công ty liên kết của công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)
Công ty Cổ phần dịch vụ xăng dầu An Đông (“Công ty An Đông”)	Công ty liên kết của công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025)
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát (“Công ty Suất ăn An Phát”)	Công ty liên kết của công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)
Công ty Cổ phần Anbio (“Công ty Anbio”)	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT
Bà Trần Thị Thoãn	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cờ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Phượng	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Văn Thị Lan Anh	Thành viên Ban kiểm soát

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty An Phát Holdings	Công ty mẹ	Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	173.407.166.200
		Thanh toán tiền chuyển nhượng cổ phần	-	173.407.166.200
		Mua hàng và cung cấp dịch vụ	4.156.700.000	3.481.166.800
		Thanh toán tiền hàng và phí dịch vụ	4.489.236.000	3.747.660.144
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	624.000.000	779.343.518
		Thu tiền hàng và dịch vụ	673.920.000	1.284.440.999
		Chia và trả cổ tức bằng tiền	57.536.218.200	-
Công ty An Thành	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	222.282.626.922	129.089.729.546
		Thu tiền hàng và dịch vụ	246.871.493.466	157.964.420.157
		Mua hàng và dịch vụ	109.341.173.256	127.559.829.540
		Thanh toán tiền hàng và dịch vụ	139.480.604.000	148.630.805.249
Công ty An Thành Singapore	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Mua hàng	10.754.449.077	51.799.943.460
		Thanh toán tiền hàng	16.980.479.366	45.538.299.630
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.276.065.600	1.713.270.000
		Thu tiền hàng và dịch vụ	41.979.060.957	1.713.270.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty An Vinh	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.955.661.382	18.644.439.743
		Thu tiền hàng	11.191.077.089	20.874.778.924
		Thu hồi gốc vay	-	15.000.000.000
		Cổ tức được chia và nhận bằng tiền	10.745.000.000	-
		Mua hàng	612.547.640	1.617.159.650
		Thanh toán tiền hàng	1.302.378.382	1.115.043.900
Công ty An Tiên	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Công ty liên kết (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Mua hàng	81.180.073.374	73.691.498.844
		Thanh toán tiền hàng	88.522.927.507	86.178.773.545
		Tạm ứng tiền mua hàng	-	63.874.068.365
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	69.528.137.445	43.991.860.444
		Thu tiền hàng và dịch vụ	19.671.484.825	40.621.207.218
		Cổ tức được chia và nhận bằng tiền	9.966.617.400	-
An Phat International, Inc.	Công ty con	Mua hàng	-	16.030.672.515
		Thanh toán tiền hàng	-	16.049.439.449
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	176.853.941.244	-
		Thu tiền hàng và dịch vụ	137.060.819.347	2.415.755.547
Công ty An Tín	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Mua dịch vụ	101.776.062.634	113.124.769.391
		Thanh toán tiền phí dịch vụ	105.369.957.260	110.461.089.252
		Thanh toán phí dịch vụ chỉ hộ	28.970.133.581	26.382.706.729
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.081.636.368	1.092.636.368
		Thu tiền cung cấp dịch vụ	1.183.440.000	1.195.320.000
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Cho vay	10.000.000.000	97.500.000.000
		Thu hồi gốc vay	10.000.000.000	355.480.000.000
		Lãi cho vay	27.945.205	1.379.159.178
		Thu tiền lãi cho vay	27.945.205	1.379.159.178
		Cổ tức được chia	-	140.700.000.000
		Nhận cổ tức bằng tiền	-	140.700.000.000
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	458.625.926	529.315.000
		Thu tiền hàng và cung cấp dịch vụ	500.116.000	576.460.000
		Mua dịch vụ	1.015.015.325	983.627.870
		Thanh toán phí dịch vụ	384.708.932	958.646.972
AFC Ecoplastics, LLC.	Công ty con	Doanh thu bán hàng	35.798.510.714	46.770.988.792
		Thu tiền hàng	32.151.170.106	45.952.101.025



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty PBAT	Công ty con	Cho vay	-	650.000.000
		Thu hồi gốc vay	-	99.590.000.000
		Lãi cho vay	-	1.029.254.848
		Thu tiền lãi cho vay	-	7.043.591.287
		Thu tiền giảm góp vốn	21.158.800.000	-
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.888.889	166.666.668
Công ty Ankor	Công ty con	Mua dịch vụ	4.742.880.000	5.320.735.500
		Thanh toán phí dịch vụ	4.219.740.000	-
		Bù trừ công nợ	-	5.320.735.500
Công ty An Cường	Công ty con	Cho vay	-	21.184.019.400
		Thu hồi gốc vay	-	21.184.019.400
		Mua hàng	13.760.764.878	10.052.244.167
		Thanh toán tiền hàng	17.086.423.352	5.149.506.174
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.468.596.408	2.542.140.791
		Thu tiền hàng và dịch vụ	49.900.079.734	2.596.301.277
		Lãi cho vay	-	484.315.566
		Ủy thác xuất khẩu	75.453.826.129	-
		Thu tiền ủy thác xuất khẩu	52.115.241.450	-
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Cổ tức được chia	-	17.286.257.000
		Nhận cổ tức bằng tiền	-	17.286.257.000
		Doanh thu bán hàng	2.039.965.728	7.654.948.000
		Nhận thanh toán tiền hàng	2.182.097.586	8.419.591.325
Công ty Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua hàng và dịch vụ	597.685	2.976.000
		Thanh toán tiền hàng	-	3.214.080
		Doanh thu bán hàng	223.144.928	2.949.500
		Nhận thanh toán tiền hàng	237.548.554	-
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Mua hàng hóa dịch vụ	47.081.805.077	57.658.253.552
		Thanh toán tiền hàng và dịch vụ	42.778.743.747	63.951.818.186
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.313.757.904	8.746.388.734
		Thu tiền hàng và dịch vụ	17.116.389.315	16.108.359.204
		Chi hộ tiền điện, nước	1.257.926.365	4.917.906.998
Công ty Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	4.703.974.200	4.703.974.200
		Nhận tiền cổ tức	4.703.974.200	4.703.974.200



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Nam Việt	Công ty liên kết (đến ngày 28 tháng 04 năm 2025)	Cổ tức được chia Nhận cổ tức bằng tiền	- 441.000.000	441.000.000 -
Công ty Lương Điền Ngọc Liên	Công ty con	Cho vay Thu hồi gốc vay	- -	10.000.000.000 10.000.000.000
Công ty VMC	Công ty con (đến ngày 26 tháng 05 năm 2025)	Mua tài sản Thanh toán tiền mua tài sản	- -	200.000.000 220.000.000
Công ty Suất ăn An Phát	Công ty liên kết của công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Mua dịch vụ Thanh toán tiền dịch vụ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Thu tiền hàng và dịch vụ	21.488.468.800 22.957.074.024 238.301.640 250.741.051	19.036.352.895 20.099.468.567 228.000.770 259.160.132
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Thuê đất Thanh toán tiền thuê đất Cho vay Thu hồi gốc vay Thu tiền bán hàng và dịch vụ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	- - 185.000.000.000 185.000.000.000 170.060.000 157.200.000	206.414.120.000 224.757.332.870 29.000.000.000 29.000.000.000 682.006.377 620.807.016
Công ty An Trung	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Nhận thanh toán tiền hàng và dịch vụ Thanh toán tiền hàng Mua hàng	378.151.570 408.991.569 424.213.154 467.389.157	1.664.044.262 1.823.827.863 274.555.988 253.857.056
Công ty VIEXIM	Công ty con	Doanh thu bán hàng Nhận thanh toán tiền hàng	133.877.300 128.148.178	45.200.000 50.215.680
Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc	Chi hộ	43.465.345	246.882.154
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt của công ty An Phát Holdings (tính đến ngày 09 tháng 10 năm 2024)	Hoàn ứng Tạm ứng	- -	6.035.131.575 5.556.036.292



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)				
An Phát International, Inc.	Công ty con	Bán hàng	39.617.490.290	-
Công ty An Cường	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.800.640.332	149.313.780
Công ty An Thành Singapore	Công ty liên kết của Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Bán hàng	6.350.792.580	-
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025)	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.149.592.131	-
Công ty AFC	Công ty con	Bán hàng	2.478.480.953	-
Công ty An Vinh	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	669.281.614	-
Công ty An Tiến	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Công ty liên kết (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	216.993.168	-
Công ty Suất ăn An Phát	Công ty liên kết của công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.131.900	8.639.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty An Thành	Công ty liên kết của Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025)	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	4.177.818.227
Bên liên quan khác	Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.504.706	-
			74.337.907.674	4.335.771.407
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)</i>				
Công ty An Thành	Công con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025)	Mua hàng	20.231.551.776	-
Công ty An Tiến	Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025) Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Công ty liên kết (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Mua hàng	198.297.950	-
			20.429.849.726	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>				
Công ty Nam Việt	Công ty liên kết (đến ngày 28 tháng 04 năm 2025)	Cổ tức được chia	-	441.000.000
Công ty AFC	Công ty con	Phải thu khác	4.932.187	-
			4.932.187	441.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15.1)</i>				
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Mua hàng	11.540.583.302	3.019.477.039
Công ty An Tín	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Mua dịch vụ vận tải	7.403.079.332	7.497.330.352
Công ty An Cường	Công ty con	Mua công cụ, dụng cụ	3.230.047.469	5.750.832.636
Công ty Suất ăn An Phát	Công ty liên kết của công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Mua dịch vụ	2.047.869.000	1.797.156.720
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Mua hàng	815.579.037	104.071.418
Công ty Ankor	Công ty con	Mua hàng	527.540.000	-
Công ty An Vinh	Công ty con	Mua hàng	6.480.000	643.901.023
Công ty An Thành Singapore	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025) Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)	Mua hàng	-	6.220.135.440
Bên liên quan khác		Mua hàng và dịch vụ	80.567.136	-
			25.651.745.276	25.032.904.628
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15.2)</i>				
Công ty An Cường	Công ty con	Bán hàng	9.249.355.360	-
Công ty An Tiến	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	-	63.874.068.365
Công ty AFC	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	930.562.225
			9.249.355.360	64.804.630.590



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)				
Công ty An Cường	Công ty con	Chi phí trả hộ	2.928.620.727	-
		Phải trả phí ủy thác xuất khẩu	2.274.021.309	-
Công ty An Tín	Công ty con (đến ngày 27 háng 03 năm 2025)	Chi phí chi trả hộ	2.798.118.266	1.334.124.547
	Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)			
Công ty An Thành	Công ty con (đến ngày 27 tháng 03 năm 2025)	Chi phí chi trả hộ	-	16.252.280
	Bên liên quan khác (từ ngày 28 tháng 03 năm 2025)			
			8.000.760.302	1.350.376.827

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch HĐQT	650.409.998	180.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng giám đốc	955.162.698	879.574.614
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	994.271.154	813.069.232
Bà Trần Thị Thoàn	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	1.075.414.614	893.401.923
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Xuân Cờ	Phó Tổng Giám đốc	808.841.384	616.540.845
TỔNG CỘNG		4.724.099.848	3.622.586.614

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát trong năm:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát	264.000.000	264.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

- ▶ Bộ phận sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- ▶ Bộ phận kinh doanh thương mại các loại vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa; và
- ▶ Bộ phận kinh doanh các dịch vụ khác gồm cho thuê nhà xưởng, kho bãi, và một số dịch vụ khác.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính riêng.

30
C

RN
VI
HP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động kinh doanh thương mại	Hoạt động khác	Đơn vị tính: VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	4.180.769.451.188	354.955.519.328	19.373.371.020	4.555.098.341.536
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	4.180.769.451.188	354.955.519.328	19.373.371.020	4.555.098.341.536
Tổng doanh thu				
Kết quả	602.733.123.254	7.615.667.129	14.588.558.513	624.937.348.896
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận				(401.889.224.171)
Chi phí không phân bổ (i)				223.048.124.725
Lợi nhuận thuần trước thuế				(37.166.974.973)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				185.881.149.752
Lợi nhuận thuần sau thuế				
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản tăng trong năm	70.520.487.021	-	-	70.520.487.021
Tài sản cố định hữu hình	191.256.845.250	-	-	191.256.845.250
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	193.860.179.222	-	4.605.803.850	198.465.983.072
Khấu hao và hao mòn và phân bổ tiền thuế đất trả trước				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	2.537.021.038.938	243.059.230.598	4.282.002.211	2.784.362.271.747
Tài sản không phân bổ (ii)				5.108.924.808.891
Tổng tài sản				7.893.287.080.638
Công nợ bộ phận	341.668.099.814	32.412.435.318	661.410.137	374.741.945.269
Công nợ không phân bổ (iii)				2.036.035.475.106
Tổng công nợ				2.410.777.420.375

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động kinh doanh thương mại	Hoạt động khác	Đơn vị tính: VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Doanh thu				
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	3.833.505.093.695	166.498.171.069	17.913.283.083	4.017.916.547.847
<i>Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận</i>	-	-	-	-
Tổng doanh thu	3.833.505.093.695	166.498.171.069	17.913.283.083	4.017.916.547.847
Kết quả				
<i>Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận</i>	602.433.153.399	3.219.393.518	16.139.832.588	621.792.379.505
<i>Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)</i>				(263.951.861.336)
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>				357.840.518.169
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>				(61.334.708.361)
<i>Lợi nhuận thuần sau thuế</i>				296.505.809.808
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản tăng trong năm	307.319.746.596	15.530.075.922	168.679.734	323.018.502.252
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	157.645.025.029	7.966.423.357	86.527.212	165.697.975.598
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	161.256.198.018	8.148.910.136	88.509.290	169.493.617.444
Khấu hao và hao mòn	3.252.436.724	164.358.424	1.785.177	3.418.580.325
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn				
Tài sản và công nợ				
<i>Tài sản bộ phận</i>	2.642.315.616.978	131.901.472.104	2.418.853.631	2.776.635.942.713
<i>Tài sản không phân bổ (ii)</i>				5.436.431.113.402
Tổng tài sản				8.213.067.056.115
<i>Công nợ bộ phận</i>	464.268.283.293	22.727.599.833	680.892.556	487.676.775.682
<i>Công nợ không phân bổ (iii)</i>				2.272.568.607.749
Tổng công nợ				2.760.245.383.431

- (i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác.
- (ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền và tương đương tiền, và tương đương đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu về cho vay, phải thu khác, thuế GTGT được khấu trừ, đầu tư tài chính dài hạn, và tài sản thuế thu nhập hoãn lại.
- (iii) Công nợ không phân bổ chủ yếu bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và quỹ khen thưởng phúc lợi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	698.890.632	698.890.632
Từ 1-5 năm	2.795.562.528	2.795.562.528
Trên 5 năm	63.484.926.517	63.187.441.881
TỔNG CỘNG	<u>66.979.379.677</u>	<u>66.681.895.041</u>

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê nhà kho, văn phòng, phương tiện vận tải và một số dịch vụ cho thuê khác theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	9.309.570.363	12.537.201.166
Từ 1-5 năm	24.209.256.364	33.278.826.727
TỔNG CỘNG	<u>33.518.826.727</u>	<u>45.816.027.893</u>

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 Công ty có khoản cam kết 130 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 219 tỷ VND) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng các nhà xưởng phục vụ hoạt động của Công ty.

Cam kết khác

Công ty và Công ty An Cường, công ty con của Công ty, đã ký kết thỏa thuận nhận cấp phép bản quyền một số sản phẩm ván sàn với một đối tác doanh nghiệp (bên cấp phép). Theo đó, Công ty đảm bảo vô điều kiện cho bên cấp phép việc thanh toán số tiền bản quyền hàng kỳ trong trường hợp Công ty An Cường không hoàn thành nghĩa vụ trong thời hạn hoặc không trả bất kỳ khoản tiền chưa thanh toán nào khác.

Các khoản bảo đảm theo thư bảo lãnh với các ngân hàng thương mại

Công ty đã ký Thư bảo lãnh với Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam cam kết bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần An Tiến Industries – Công ty liên kết của Công ty. Theo đó, Công ty cam kết về việc thanh toán toàn bộ tất cả các nghĩa vụ trực tiếp và các nghĩa vụ ngoài dự kiến mà Công ty An Tiến Industries đang nợ nhưng không có khả năng thanh toán khi đến hạn theo quy định tại Hợp đồng tín dụng. Tổng cam kết theo thư bảo lãnh giới hạn ở mức 87.600.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Thùy Vân
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng

Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc



EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn